

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 102.269
	Giờ: Ngày 15 tháng 04 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vinh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 6 năm 2010 và lần 03 ngày 01 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Trương Thị Lệ Khanh	179.650.000.000	38,10
Các cổ đông khác	291.862.730.000	61,90
Cộng	471.512.730.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84 - 67) 3891 166

Fax : (84 - 67) 3891 672

E-mail : vh@vinhhoan.com.vn

Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vinh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại;
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 325.680.000.000 VND lên 471.512.730.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 23 tháng 4 năm 2009 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 16 tháng 4 năm 2010 như sau:

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.422.100.000 VND
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010	13.526.034.445 VND
- Tạm trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2010	2.000.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu	<u>108.810.630.000 VND</u>
Cộng	<u>133.758.764.445 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,





Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 4 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0433/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2011, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.141.941.249.354	785.719.874.823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	111.656.276.573	128.714.275.030
1. Tiền	111		88.656.276.573	128.714.275.030
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		107.562.972.164	39.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	107.562.972.164	39.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		500.083.103.563	346.212.284.695
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	466.935.976.739	304.440.307.151
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	12.808.234.185	37.848.034.095
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	20.338.892.639	3.923.943.449
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		395.515.521.233	254.289.572.493
1. Hàng tồn kho	141	V.6	410.603.366.965	275.111.439.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(15.087.845.732)	(20.821.867.416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.123.375.821	17.303.742.605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	773.299.178	195.920.040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.680.336.895	7.640.738.463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	530.658.754	1.535.840.479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	11.139.080.994	7.931.243.623

1102
CỔ
RÁCH N
KIỂM
TU
VIT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		467.445.826.633	433.143.921.012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		378.781.199.443	354.143.603.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	334.721.080.006	312.661.802.264
<i>Nguyên giá</i>	222		485.535.019.634	415.526.757.562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(150.813.939.628)	(102.864.955.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	37.878.432.783	24.503.311.419
<i>Nguyên giá</i>	228		38.798.741.240	25.131.041.240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(920.308.457)	(627.729.821)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	6.181.686.654	16.978.490.292
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.655.242.690	60.665.242.690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60.655.242.690	60.655.242.690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	10.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		28.009.384.500	18.335.074.347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	27.167.490.900	17.371.534.747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	841.893.600	963.539.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.609.387.075.987	1.218.863.795.835

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		729.355.080.532	603.832.177.186
I. Nợ ngắn hạn	310		704.082.734.258	458.981.584.813
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	249.283.832.136	306.486.178.450
2. Phải trả người bán	312	V.18	165.684.198.181	103.544.659.164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	577.547.162	1.195.341.514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	34.698.238.383	13.998.180.564
5. Phải trả người lao động	315	V.21	26.421.160.944	20.260.469.687
6. Chi phí phải trả	316	V.22	4.592.971.990	677.969.109
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	168.533.908.670	4.137.963.977
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34.550.000.000	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	19.740.876.792	8.680.822.348
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.272.346.274	144.850.592.373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	23.627.560.693	143.822.118.693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	1.644.785.581	1.028.473.680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		880.031.995.455	615.031.618.649
I. Vốn chủ sở hữu	410		880.031.995.455	615.031.618.649
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471.512.730.000	325.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	191.808.000.000	92.448.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(32.725.310.618)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	249.436.576.073	196.903.618.649
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.609.387.075.987	1.218.863.795.835

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		4.215.390,61	3.138.850,66
Euro (EUR)		426,42	420,74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 02 tháng 3 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.770.379.049.451	2.330.809.165.109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.479.934.277	14.271.126.710
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.757.899.115.174	2.316.538.038.399
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.253.272.271.347	1.965.240.863.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		504.626.843.827	351.297.174.629
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	60.786.151.254	61.095.186.335
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.063.827.294	58.310.569.853
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.863.638.647	37.795.085.055
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	209.671.563.310	156.255.794.906
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	62.943.020.742	19.827.879.129
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		232.734.583.735	177.998.117.076
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.734.316.201	685.861.648
12. Chi phí khác	32	VI.8	453.878.210	3.728.066.986
13. Lợi nhuận khác	40		2.280.437.991	(3.042.205.338)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		235.015.021.726	174.955.911.738
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	48.723.299.857	22.551.744.132
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>186.291.721.869</u>	<u>152.404.167.606</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 02 tháng 3 năm 2011

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		235.015.021.726	174.955.911.738
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	51.774.389.078	48.486.065.822
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(5.734.021.684)	(1.809.644.569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	10.407.540.519	11.773.523.514
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.8	(14.587.219.350)	(15.682.540.716)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.863.638.647	37.795.085.055
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		299.739.348.936	255.518.400.844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179.213.145.453)	(11.093.951.381)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(135.491.927.056)	2.015.365.320
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		273.500.635.356	6.753.733.684
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.007.436.675)	(5.114.015.655)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22,VI.4	(23.147.357.894)	(39.891.126.640)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(28.213.699.318)	(13.848.004.607)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		157.646.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.501.980.001)	(2.547.589.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		194.822.083.895	191.792.812.156
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13,VII.	(66.502.260.175)	(53.084.975.334)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(243.952.256.415)	(344.004.060.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		175.589.284.251	372.864.060.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.618.380.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	8.081.006.337	19.358.261.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.774.226.002)	(9.455.094.594)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	126.960.000.000	118.128.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(32.725.310.618)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.26	724.641.870.851	1.963.783.590.109
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.26	(901.562.226.591)	(2.097.747.506.250)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(25.850.000)	(45.013.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(82.711.516.358)	(60.849.416.141)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.663.658.465)	121.488.301.421
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	128.714.275.030	8.902.571.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.394.339.992)	(1.676.597.698)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	111.656.276.573	128.714.275.030



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 3 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 325.680.000.000 VND lên 471.512.730.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.971.584.216	1.883.160.248
Tiền gửi ngân hàng	83.684.692.357	126.831.114.782
Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	-
Cộng	<u>111.656.276.573</u>	<u>128.714.275.030</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	32.197.256.415	-
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	70.000.000.000	26.700.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.365.715.749	12.500.000.000
Cộng	<u>107.562.972.164</u>	<u>39.200.000.000</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 32.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	20.453.917.323	8.732.417.595
Các khách hàng nước ngoài	446.482.059.416	295.707.889.556
Cộng	<u>466.935.976.739</u>	<u>304.440.307.151</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	7.792.705.125	32.138.989.718
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.015.529.060	5.709.044.377
Cộng	<u>12.808.234.185</u>	<u>37.848.034.095</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	13.025.575.325	2.827.175.256
Lãi cho vay phải thu	4.842.462.791	327.700.000
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	2.066.879.098	-
Phải thu khác	403.975.425	769.068.193
Cộng	<u>20.338.892.639</u>	<u>3.923.943.449</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	84.882.960.682	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.084.051.170	15.659.170.057
Công cụ, dụng cụ	2.401.572.908	1.895.684.611
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	217.794.939.402	118.544.963.947
Thành phẩm	66.770.672.102	139.007.843.625
Hàng hóa	222.614.917	3.777.669
Hàng gửi bán	11.446.555.784	-
Cộng	<u>410.603.366.965</u>	<u>275.111.439.909</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	337.367.454	-
Công cụ, dụng cụ	22.003.532	265.435.081
Thành phẩm	14.728.474.746	20.556.432.335
Cộng	<u>15.087.845.732</u>	<u>20.821.867.416</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.821.867.416
Hoàn nhập dự phòng	(5.734.021.684)
Số cuối năm	<u>15.087.845.732</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	195.920.040
Tăng trong năm	1.775.205.446
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	<u>(1.197.826.308)</u>
Số cuối năm	<u>773.299.178</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.817.872
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	530.658.754	1.496.022.607
Cộng	<u>530.658.754</u>	<u>1.535.840.479</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên Công ty.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	134.754.727.572	274.910.684.753	5.007.619.767	853.725.470	415.526.757.562
Tăng trong năm	30.042.968.725	42.803.184.699	930.363.636	-	73.776.517.060
Mua sắm mới	3.874.400.000	1.312.510.900	930.363.636	-	6.117.274.536
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.008.568.725	41.490.673.799	-	-	67.499.242.524
Tăng khác	160.000.000	-	-	-	160.000.000
Giảm trong năm	-	(3.768.254.988)	-	-	(3.768.254.988)
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.608.254.988)	-	-	(3.608.254.988)
Giảm khác	-	(160.000.000)	-	-	(160.000.000)
Số cuối năm	<u>164.797.696.297</u>	<u>313.945.614.464</u>	<u>5.937.983.403</u>	<u>853.725.470</u>	<u>485.535.019.634</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.458.142.921	21.311.395.692	891.183.033	253.926.670	23.914.648.316
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.767.045.947	86.559.743.756	2.071.341.836	466.823.759	102.864.955.298
Khấu hao trong năm	10.094.752.458	40.383.374.129	828.061.328	175.622.527	51.481.810.442
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.532.826.112)	-	-	(3.532.826.112)
Số cuối năm	<u>23.861.798.405</u>	<u>123.410.291.773</u>	<u>2.899.403.164</u>	<u>642.446.286</u>	<u>150.813.939.628</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>120.987.681.625</u>	<u>188.350.940.997</u>	<u>2.936.277.931</u>	<u>386.901.711</u>	<u>312.661.802.264</u>
Số cuối năm	<u>140.935.897.892</u>	<u>190.535.322.691</u>	<u>3.038.580.239</u>	<u>211.279.184</u>	<u>334.721.080.006</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 101.103.443.649 VND và 54.090.504.901 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.590.811.450	540.229.790	25.131.041.240
Mua trong năm	13.667.700.000	-	13.667.700.000
Số cuối năm	38.258.511.450	540.229.790	38.798.741.240
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	120.500.569	120.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	297.263.139	330.466.682	627.729.821
Khấu hao trong năm	209.832.804	82.745.832	292.578.636
Số cuối năm	507.095.943	413.212.514	920.308.457
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.293.548.311	209.763.108	24.503.311.419
Số cuối năm	37.751.415.507	127.017.276	37.878.432.783

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 5.138.311.100 VND và 5.138.311.100 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	270.350.000	-	(270.350.000)	-
XDCB dở dang	16.978.490.292	58.065.806.346	(67.499.242.524)	(2.095.548.616)	5.449.505.498
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	44.838.958.853	(58.828.923.968)	-	75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	199.889.060	(199.889.060)	-	1.920.571.250
Công trình trạm xá	-	259.063.906	-	(259.063.906)	-
Chi phí đào ao nuôi cá	992.567.852	12.767.894.527	(8.470.429.496)	(1.836.484.710)	3.453.548.173
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	732.181.156	-	-	732.181.156
Cộng	16.978.490.292	59.068.337.502	(67.499.242.524)	(2.365.898.616)	6.181.686.654

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	5.200.371	52.003.709.506	5.200.371	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Cộng		60.655.242.690		60.655.242.690

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ, tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã đầu tư USD 499,912.00.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	6.994.167.786	6.663.819.989	(1.621.206.649)	(2.792.312.557)	9.244.468.569
Tiền thuê đất	10.377.366.961	9.529.139.256	(590.917.435)	(1.392.566.451)	17.923.022.331
Cộng	17.371.534.747	16.192.959.245	(2.212.124.084)	(4.184.879.008)	27.167.490.900

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	249.283.832.136	276.252.854.450
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	50.483.832.136	276.252.854.450
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱⁱ⁾	198.800.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	-	30.233.324.000
Cộng	249.283.832.136	306.486.178.450

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, nhà 384 Nguyễn Trãi và khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	276.252.854.450	723.903.132.851	(750.395.606.591)	(476.548.574)	249.283.832.136
Vay dài hạn đến hạn trả	30.233.324.000	-	(30.233.324.000)	-	-
Cộng	306.486.178.450	723.903.132.851	(780.628.930.591)	(476.548.574)	249.283.832.136

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	134.599.102.940	102.545.895.714
Các nhà cung cấp nước ngoài	31.085.095.241	998.763.450
Cộng	<u>165.684.198.181</u>	<u>103.544.659.164</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	312.022.075	1.020.027.068
Các khách hàng nước ngoài	265.525.087	175.314.446
Cộng	<u>577.547.162</u>	<u>1.195.341.514</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(39.817.872)	12.867.678.855	(12.827.860.983)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.496.022.607)	1.295.392.089	(330.028.236)	(530.658.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.921.511.114	48.723.299.857	(28.213.699.318)	34.431.111.653
Thuế thu nhập cá nhân	76.669.450	835.404.538	(644.947.258)	267.126.730
Thuế nhà đất	-	627.573.749	(627.573.749)	-
Các loại thuế khác	-	137.726.200	(137.726.200)	-
Cộng	<u>12.462.340.085</u>	<u>64.487.075.288</u>	<u>(42.781.835.744)</u>	<u>34.167.579.629</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	235.015.021.726	174.955.911.738
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	50.443.866.758	4.262.645.381
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(4.243.209.514)</u>	<u>(14.774.999.187)</u>
Tổng thu nhập tính thuế	281.215.678.970	164.443.557.932
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh được miễn thuế	-	22.118.719.066
- Thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 50%	159.973.517.792	104.235.724.673
- Thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh không được ưu đãi	121.242.161.178	38.089.114.193
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	70.303.919.743	41.110.889.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(19.996.689.724)	(18.559.145.351)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	(1.583.930.162)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	48.723.299.857	22.551.744.132

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	283.719.247
Chi phí phải trả cho luật sư	4.545.261.990	-
Chi phí khác	47.710.000	394.249.862
Cộng	4.592.971.990	677.969.109

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Kinh phí công đoàn	1.693.839.082	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	554.638.042	577.514.590
Các khoản phải trả khác	166.240.031.546	2.293.093.013
Cộng	168.533.908.670	4.137.963.977

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 7 và POR 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.215.500.614	11.661.453.175	(2.817.000.000)	16.059.953.789
Quỹ phúc lợi	1.465.321.734	3.864.581.270	(1.648.980.001)	3.680.923.003
Cộng	8.680.822.348	15.526.034.445	(4.465.980.001)	19.740.876.792

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m².

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	23.627.560.693
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	23.627.560.693

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	143.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong năm	738.738.000
Số tiền vay đã trả	(120.933.296.000)
Số cuối năm	23.627.560.693

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong năm	910.118.901
Số chi trong năm	(293.807.000)
Số cuối năm	1.644.785.581

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	-	102.360.211.761	402.360.211.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	152.404.167.606	152.404.167.606
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(7.492.895.079)	(7.492.895.079)
Phát hành cổ phiếu	25.680.000.000	92.448.000.000	-	-	118.128.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	(45.084.750.000)	(45.084.750.000)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	-	-	(5.283.115.639)	(5.283.115.639)
Số dư cuối năm trước	325.680.000.000	92.448.000.000	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	186.291.721.869	186.291.721.869
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(32.725.310.618)	-	(32.725.310.618)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.422.100.000	-	-	(9.422.100.000)	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	108.810.630.000	-	-	(108.810.630.000)	-
Phát hành cổ phiếu	27.600.000.000	99.360.000.000	-	-	126.960.000.000
Số dư cuối năm nay	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	25.850.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.052.920	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.052.920	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.770.379.049.451	2.330.809.165.109
- Doanh thu bán hàng hóa	518.807.384.355	331.484.336.856
- Doanh thu bán thành phẩm	1.865.840.221.811	1.738.469.915.533
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.724.289.663	5.839.553.597
- Doanh thu nguyên vật liệu	5.110.963.591	3.565.007.861
- Doanh thu phế phẩm	351.896.190.031	251.450.351.262
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(12.479.934.277)	(14.271.126.710)
- Giảm giá hàng bán	(632.572.009)	(465.021.060)
- Hàng bán bị trả lại	(11.847.362.268)	(13.806.105.650)
Doanh thu thuần	2.757.899.115.174	2.316.538.038.399

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	515.954.319.308	329.615.227.956
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.856.213.352.581	1.728.309.068.803
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	28.724.289.663	5.839.553.597
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	5.110.963.591	3.565.007.861
- Doanh thu thuần phế phẩm	351.896.190.031	249.209.180.182
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	467.562.037.575	315.166.983.678
Giá vốn của thành phẩm	1.448.475.207.879	1.414.785.067.707
Giá vốn của nguyên vật liệu	5.780.188.990	3.382.926.877
Giá vốn của phế phẩm	337.188.858.587	229.643.753.675
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.734.021.684)	2.262.131.833
Cộng	<u>2.253.272.271.347</u>	<u>1.965.240.863.770</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.070.745.353	5.211.647.010
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	450.256.148	227.334.524
Lãi cho vay	6.587.627.873	5.220.535.767
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.894.152.247	4.559.691.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.275.000	8.926.078.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.166.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.779.094.633	36.941.733.516
Cộng	<u>60.786.151.254</u>	<u>61.095.186.335</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.863.638.647	37.795.085.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.407.540.519	11.781.689.514
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.792.648.128	8.733.795.284
Cộng	<u>60.063.827.294</u>	<u>58.310.569.853</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	4.387.496.983	3.213.176.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.720.919	18.159.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.980.984	46.980.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.030.086.808	111.764.441.316
Chi phí khác	65.156.277.616	41.213.037.001
Cộng	<u>209.671.563.310</u>	<u>156.255.794.906</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	8.398.946.864	7.039.507.141
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	916.489.754	687.926.883
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.737.598.237	1.107.150.000
Thuế, phí và lệ phí	1.317.998.779	464.552.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	876.162.629	1.087.823.203
Chi phí khác	49.695.824.479	9.440.919.048
Cộng	<u>62.943.020.742</u>	<u>19.827.879.129</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	30.000.000
Thu nhập khác	2.734.316.201	655.861.648
Cộng	<u>2.734.316.201</u>	<u>685.861.648</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	75.428.876	3.705.720.524
Chi phí khác	378.449.334	22.346.462
Cộng	<u>453.878.210</u>	<u>3.728.066.986</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.070.200.242.747	1.132.569.999.685
Chi phí nhân công	142.949.138.219	124.210.676.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.774.389.078	48.486.065.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.360.169.925	222.128.303.508
Chi phí khác	156.595.191.363	68.662.586.457
Cộng	<u>1.757.879.131.332</u>	<u>1.596.057.631.485</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	7.742.441.410	4.683.395.519
Ứng trước mua tài sản cố định	978.491.515	10.270.497.487

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>		
Bán hàng hóa	391.457.455	174.229.723
Mua nguyên liệu	17.269.270.350	17.894.818.900
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Mua nguyên vật liệu	19.770.975.350	18.050.318.300
Bán hàng hóa	597.656.409	531.865.065
Vay	-	12.000.000.000
Lãi vay	-	359.267.402

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.613.467.744	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	93.385.000	258.842.500
Cộng nợ phải thu	5.706.852.744	1.732.656.481

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 3.328.852.000 VND (năm trước là 2.569.093.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	203.667.859.000	18.062.931.555
Bán phụ phẩm, thức ăn thủy sản	45.784.407.260	10.758.260.400
Mua hàng hóa, dịch vụ	701.483.786.019	333.847.232.438
Nhờ thu hộ tiền hàng	31.094.922.636	40.197.335.330
Thu hộ tiền hàng	178.246.064.780	10.161.236.700
Cho vay	209.255.000.000	184.000.000.000
Lãi cho vay	4.842.462.791	4.884.746.917

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Bán thành phẩm, hàng hóa	864.087.350.685	482.276.522.065
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Bán nguyên liệu, hàng hóa	3.704.348.584	14.788.693.690
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	13.425.203.991	-
Bán thành phẩm	13.696.879.973	18.853.050.618
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất	260.639.683.819	281.374.366.853
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Bán nguyên liệu, hàng hóa	1.365.559.278	701.825.217
Cung cấp dịch vụ ủy thác nhập khẩu	14.537.926.442	-
Mua nguyên vật liệu	7.281.395.152	1.134.952.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu tiền hàng	-	2.069.719.970
Phải thu tiền cho vay	70.000.000.000	26.700.000.000
Lãi cho vay	4.842.462.791	-
Ứng trước tiền hàng	-	21.936.004.670
Phải thu tiền thu hộ	13.025.575.325	2.827.175.256
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	317.540.388.928	153.669.204.974
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng xuất khẩu ủy thác	879.294.941	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng	5.343.401.273	-
Cộng nợ phải thu	<u>411.631.123.258</u>	<u>207.202.104.870</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Mua hàng hóa, dịch vụ	105.182.080.412	-
Thu hộ tiền thức ăn viên	-	181.872.513
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả khác	128.737.600	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	65.161.572.388	-
Mua nguyên vật liệu	-	22.811.800.508
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	99.820.646.049	-
Mua nguyên vật liệu	-	1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	<u>270.293.036.449</u>	<u>24.274.857.221</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	2.231.104.238.678	2.037.153.923.060
Trong nước	526.794.876.496	279.384.115.339
Cộng	<u>2.757.899.115.174</u>	<u>2.316.538.038.399</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty hiện nay chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	302.648.718	294.847.566
Trên 01 năm đến 05 năm	1.061.562.168	1.333.006.278
Trên 05 năm	1.608.435.371	1.592.244.837
Cộng	<u>2.972.646.257</u>	<u>3.220.098.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin khác

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc